**TRƯỜNG THCS ĐỘC LẬP**

**GV: NINH THỊ TUYẾT DUYÊN**

**PHẦN LỊCH SỬ 6**

**GIẢI BÀI TẬP (hs sửa vào tập ở nhà)**

**BÀI 1: Lịch sử là gì**

**Vận dụng**

3. Em biết những di tích lịch sử nào ở địa phương em đang sống? hãy kể cho cả lớp nghe về sự kiện lịch sử liên quan đến một trong những di tích đó

4. Hãy viết một đoạn văn ngắn về lịch sử ngôi trường em đang học (trường được thành lập khi nào? Nó thay đổi như thế nào theo thời gian?...)

5. Cửu Bắc, một kiến trúc cổ, nằm trên phố Phan Đình Phùng, Hà Nội ngày nay. Trên tường vẫn còn nguyên dấu vết đạn pháo của thực dân Pháp khi đánh chiếm thành Hà Nội năm 1882. Có ý kiến cho rằng nên trùng tu lại mặt thành, xóa đi những vết đạn pháo đó, em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?

**GIẢI**

3, 4 HS Tự làm theo hiểu biết của mình.

**5. Em không đồng ý với ý kiến đó.** Việc trùng tu lại khu kiến trúc là điều tốt nhưng việc xóa bỏ những vết đạn pháo là không nên. Những dấu vết đó là minh chứng lịch sử hùng hồn, minh chứng cho lịch sử chiến đấu kiên cường của dân tộc nên việc xóa bỏ nó cũng như là chính chúng ta đang xóa bỏ lịch sử của dân tộc vậy.

BÀI 2 : THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

(Hs ghi vào tập trên lớp)

**I.** **ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH**

- Dựa vào quan sát và tính toán, người xưa đã phát hiện quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời để tính thời gian và làm ra lịch.

- Có hai cách làm lịch:

+ Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.

+ Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.

+ Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời

+ Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.

**II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN.**

 **+**Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là công lịch.

 +Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền Chúa Giê-xu (Jesus, người sáng lập đạo Thiên chúa) ra đời là năm đầu Công nguyên.Trước năm đó là trước Công nguyên.

- Theo Công lịch: 1 năm có 365 ngày. Năm nhuận thêm 366 ngày.

 + 100 năm là 1 thế kỉ

 + 1000 năm là 1 thiên niên kỉ.

**CHƯƠNG 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY**

**BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

 **I. QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA TỪ VƯỢN THÀNH NGƯỜI**

 - Quá trình tiến hóa từ vượn thành người:

+ Cách đây khoảng 6 triệu đến 5 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là Vượn người.

+ Trải qua quá trình tiến hoá, khoảng 4 triệu năm trước, một nhánh Vượn người đã tiến hóa thành Người Tối cổ.

- Kết quả Phiếu học tập số 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Vượn người** | **Người tối cổ** | **Người tinh khôn** |
| Thời gian xuất hiện | Cách đây khoảng 6 triệu đến 5 năm triệu năm | Cách đây khoảng 4 triệu năm | Cách đây khoảng 150.000 năm |
| Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất | Châu Phi | Đông Nam Á |  |
| Đặc điểm não, hình dạng bên ngoài | Cơ thể của loài vượn cổ này được bao phủ bởi một lớp lông dày, đã có thể đứng và đi bằng hai chân, bàn tay bước đầu được giải phóng dùng để cầm, nắm. | Thể tích não từ 850-1100cm3, người đứng thẳng | Thể tích não 1450cm3, cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay |
| Đặc điểm vận động | Leo trèo | Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân | Đứng thẳng trên mặt đất, đi bằng hai chân |
| Công cụ lao động | Chưa có công cụ lao động | Biết ghè đẽo làm công cụ lao động | Công cụ lao động sắc bén hơn |

**II. DẤU TÍCH CỦA NGƯỜI TỐI CỔ Ở ĐÔNG NAM Á.**

- Người tối cổ xuất hiện sớm ở Đông Nam Á, dấu tích đầu tiên: đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a); Pôn-đa-ung (Mi-an-ma), Ni-a (Ma-lai-xi-a); Gia Lai, Đồng Nai, Thanh Hóa, Lạng Sơn (Việt Nam),...

- Ở Việt Nam, người tối cổ xuất hiện ở cả miền núi và đồng bằng.; sử dụng công cụ đá có ghè đẽo thô sơ.

BÀI TẬP

Câu 1. Bằng chứng khoa học nào chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện sớm ?

Câu 2. Lập bảng thống kê các di tích của người tối cổ ở Đông Nam Á theo bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên quốc gia** | **Tên địa điểm tìm thấy dấu tích** |
| Việt Nam | …………………………………………… |
| …………………………………………… |
| …………………………………………….. |
| ………………………………………………… |
| Ma- lay-xi-a | ………………………………………………. |
| Phi-lip-pin | ………………………………. |
| In-dô-ne-xia | …………………………………………. |
| ……………………………………………… |
| Mi-an-ma | …………………………………………….. |
| Thái Lan | ……………………………………………. |

**Câu 3:** Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng, người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung nguồn gốc hay không?

**PHẦN ĐỊA LÍ 6**

**(hs ghi vào tập trên lớp)**

 **Bài 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ**

**I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến**

-Kinh tuyến là những nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa cầu.

- Kinh tuyến gốc là đường đi qua đài thiên văn Grin – Uýt ở ngoại ô Luân Đôn - thủ đô nước Anh (đánh số độ là 0o)

- Kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc là kinh tuyến Đông.

- Kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc là kinh tuyến Tây.

- Vĩ tuyến là những vòng tròn bao quanh quả Địa cầu và vuông góc với các kinh tuyến

- Vĩ tuyến gốc là đường vĩ tuyến lớn nhất 00 (đường Xích Đạo).

- Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Bắc là vĩ tuyến Bắc.

- Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Nam là vĩ tuyến Nam.

- Các kinh tuyến có độ dài bằng nhau. Các vĩ tuyến có độ dài khác nhau.

**II. Toạ độ địa lí**

- Kinh độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ kinh tuyến đi qua điểm đó tới kinh tuyến gốc.

- Vĩ độ của 1 điểm là số độ chỉ khoảng cách từ vĩ tuyến đi qua địa điểm đó đến vĩ tuyến gốc.

- Tọa độ địa lý của một điểm là nơi giao nhau giữa kinh độ và vĩ độ của điểm đó.

Cách viết: 

Hoặc c (200 T, 100 B).